

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **193/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/6/2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Tô Thị Trúc L**, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Ấp KH, xã KH, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Quốc K**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Ấp MH, xã MP, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị Trúc L trình bày như sau:

Chị và anh Trần Quốc K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, cuộc sống giữa anh chị không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Khi còn chung sống, anh chị có một con chung, cháu tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 21/5/2012. Hiện cháu V đang sống cùng chị L. Khi ly

hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh *Trần Quốc K* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về vụ án.

* Qua trích lục thông tin đăng ký kết hôn của anh *Trần Quốc K* và chị *Tô Thị Trúc L* tại Ủy ban nhân dân xã MP và Ủy ban nhân dân xã KH thì được biết trong tàng thư hộ tịch về kết hôn: không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của anh K và chị L.

* Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của con chung là cháu V, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ không chung sống với nhau.

* *Tại phiên tòa,*

- Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên anh chị quyết định sống ly thân với nhau nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh K vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh K. Về con chung, giao cháu *Trần Ngọc Khánh V* cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Tô Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, về con chung đối với anh Trần Quốc K, có địa chỉ cư trú tại xã MP, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tô Thị Trúc L và anh Trần Quốc K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét thấy hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Tô Thị Trúc L và anh Trần Quốc K.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh K có một con chung là cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 21/5/2012. Xét thấy, từ khi chị L và anh K không còn chung sống với nhau, cháu V đã sống cùng chị L đến nay. Cháu V cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy để con chung có cuộc sống ổn định và đảm bảo quyền lợi về sự phát triển mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 15, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu V cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này, chị L có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện, yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung: Căn cứ vào Điều 15, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh K là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh K đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh K không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này anh K và chị L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị Trúc L và anh Trần Quốc K.

- Về con chung: Chị L và anh K có một con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 21/5/2012. Giao cháu Trần Ngọc Khánh V cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu V đang sống chung với chị L.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh K đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Tô Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003684 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên chị L không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị Trúc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Quốc K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung